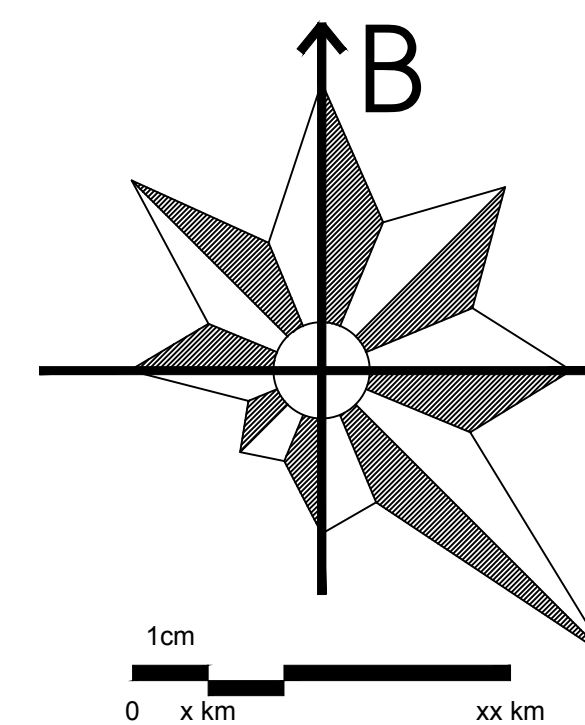


HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỈ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI TRÚC CHUẨN, XÃ ĐỒNG TIẾN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

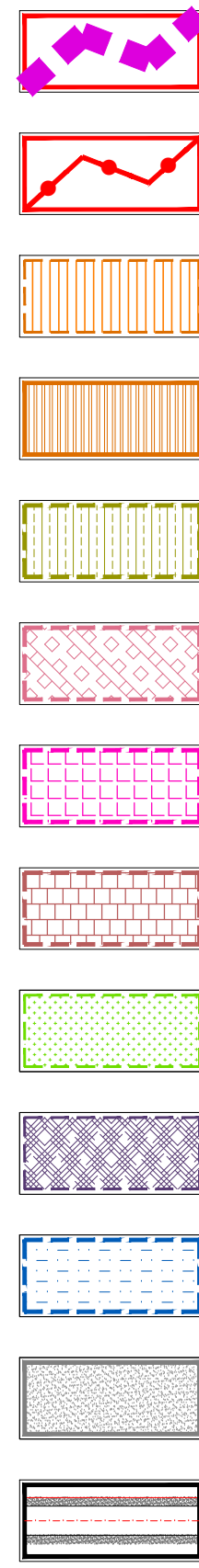
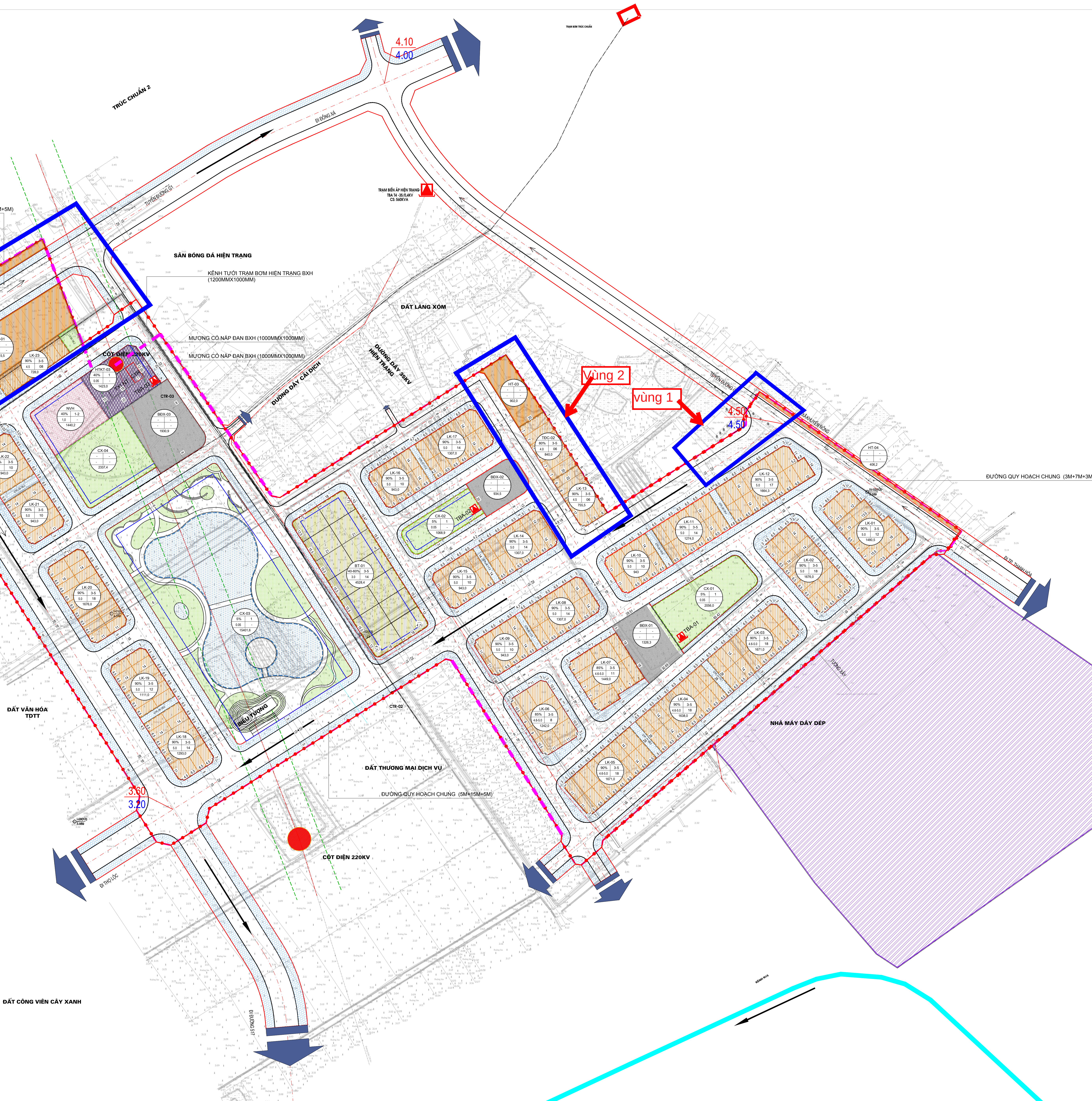
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



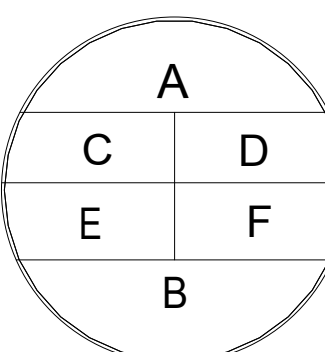
Hạng mục	Theo nhiệm vụ	Theo quy hoạch
Dân số (người)	Khoảng 1800	1.677

BẢNG CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT				
Stt	Danh mục sử dụng đất - Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
A	Ranh giới lập quy hoạch chi tiết	141.769,5	100,0	
B	Đất nhà văn hóa	1.440,2	1,02	
C	Đất ở hiện trạng	5.529,3		
D	Đất ở mới	34.748,2	24,51	24,2
E	Đất cây xanh - hồ nước - TĐTT	21.024,6	14,83	12,5
F	Đất CT hạ tầng kỹ thuật	79.027,2	55,74	
1	Hệ thống thoát nước	1.473,0	1,04	0,9
2	Trạm xử lý nước thải	216,0		
3	Trạm T/C chất thải SH	84,0		
4	Trạm biến áp - 3 trạm	75,0		
5	Cây xanh cách ly ATMT	1.098,0		
6	Bãi đỗ xe	4.191,7	2,96	2,50
7	Đường giao thông	73.362,5	51,75	43,7
8	Đường GT khu vực	27.802,0		
9	Đường GT nội bộ	44.224,9	31,19	26,4
10	Đường đi bộ - PCCC	1.335,6		
Tổng cộng (A+B+...+E):		141.769,5	100,00	

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT									
Stt	Danh mục sử dụng đất - Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	SDD (tối đa (tầng))	Số thửa	Dân số	Chức năng sử dụng đất
A	Ranh giới lập quy hoạch chi tiết	141.769,5					377	1.677	
B	Đất nhà văn hóa	1.440,2	1,02						Nhà văn hóa
C	Đất ở hiện trạng	5.529,3	3,90						
1	HT-01	3.315,5		70-90	3-5	4,50	21	91	Đất ở hiện trạng
2	HT-02	905,6		70-90	3-5	4,50	13	57	Đất ở hiện trạng
3	HT-03	902,0		70-90	3-5	4,50	6	26	Đất ở hiện trạng
4	HT-04	406,2		70-90	3-5	4,50	16	70	Đất ở hiện trạng
D	Đất ở mới	34.748,2	24,51				321	1.433	
1	Đất ở hiện trạng	28.908,3	20,39				296	1.288	
2	LK-01	1.480,5		80-90	3-5	4,5	12,0	52	Nhà ở hiện trạng
3	LK-02	1.676,0		80-90	3-5	4,5	18,0	78	Nhà ở hiện trạng
4	LK-03	1.671,0		80-90	3-5	4,5	18,0	78	Nhà ở hiện trạng
5	LK-04	1.638,0		80-90	3-5	4,5	18,0	78	Nhà ở hiện trạng
6	LK-05	1.671,0		80-90	3-5	4,5	18,0	78	Nhà ở hiện trạng
7	LK-06	1.242,0		70-85	3-5	4,5	8,0	35	Nhà ở hiện trạng
8	LK-07	1.449,0		70-85	3-5	4,5	11,0	48	Nhà ở hiện trạng
9	LK-08	1.307,0		80-90	3-5	4,5	14,0	61	Nhà ở hiện trạng
10	LK-09	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
11	LK-10	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
12	LK-11	1.274,0		80-90	3-5	4,5	14,0	61	Nhà ở hiện trạng
13	LK-12	1.664,3		80-90	3-5	4,5	17,0	74	Nhà ở hiện trạng
14	LK-13	755,5		80-90	3-5	4,5	6,0	26	Nhà ở hiện trạng
15	LK-14	1.307,0		80-90	3-5	4,5	14,0	61	Nhà ở hiện trạng
16	LK-15	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
17	LK-16	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
18	LK-17	1.307,0		80-90	3-5	4,5	14,0	61	Nhà ở hiện trạng
19	LK-18	1.293,0		80-90	3-5	4,5	14,0	61	Nhà ở hiện trạng
20	LK-19	1.111,0		80-90	3-5	4,5	12,0	52	Nhà ở hiện trạng
21	LK-20	1.676,0		80-90	3-5	4,5	18,0	78	Nhà ở hiện trạng
22	LK-21	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
23	LK-22	943,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
24	LK-23	728,0		80-90	3-5	4,5	10,0	44	Nhà ở hiện trạng
E	Đất ở biệt thự	4.528,4	3,19				14,0	98	
1	BT-01	4.528,4		45-60	3-5	3,0	14,0	98	Nhà ở biệt thự
F	Đất tại định cư	1.311,5	0,93				11,0	48	
1	TDC-01	471,5		80-90	3-5	4,5	5,0	22	Nhà ở hiện trạng
2	TDC-02	840,0		80-90	3-5	4,5	6,0	26	Nhà ở hiện trạng
G	Đất cây xanh - hồ nước - TĐTT	21.024,6	14,83						
1	CX-01	2.056,0		≤5	1				Cây xanh - TĐTT
2	CX-02	1.068,9		≤5	1				Cây xanh - TĐTT
3	CX-03	15.401,6		≤5	1				Cây xanh - hồ nước
4	CX-04	2.337,4		≤5	1				Cây xanh - TĐTT
5	CX-05	160,7		≤5	1				Cây xanh cảnh quan
H	Đất CT hạ tầng kỹ thuật	79.027,2	55,74						
1	HTKT-03	1.423,0		40,0	1				Trạm xử lý nước thải
2	XLNT	216,0							Trạm trung chuyển CTR
3	TBA-03	25,0							Trạm biến áp
4	CX cách ly ATMT	1.098,0							Trồng cây cách ly
5	HTKT-01	25,0							Trạm biến áp
6	TBA-01	25,0							Trạm biến áp
7	HTKT-02	25,0							Trạm biến áp
8	TBA-02	25,0							Trạm biến áp
9	P-01	1.326,3		≤5	1				Bãi đỗ xe
10	P-02	934,5		≤5	1				Bãi đỗ xe
11	P-03	1.930,9		≤5	1				Bãi đỗ xe
12	Đường giao thông	73.362,5							Đường giao thông
13	Đường GT khu vực	27.802,0							Đường GT khu vực
14	Đường GT nội bộ	44.224,9							Đường GT nội bộ
15	Đường đi bộ - PCCC	1.335,6							Lối đi bộ - PCCC
Tổng cộng (A+B+...+E):		141.769,5	100,0						



Ghi chú:



A: TÊN LÔ ĐẤT
B: DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
D: TẦNG CAO
E: HẠ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÀN)
F: SỐ LƯỢNG THửa ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN TRIỆU SƠN
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2023

CƠ QUAN THỎA THUẬN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2023

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN TRIỆU SƠN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI TRÚC CHUẨN
- XÃ ĐỒNG TIẾN - HUYỆN TRIỆU SƠN - TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TÊN BẢN VẼ: QH-04; GHIẾP: FIT A0; TỶ LỆ: 1/500; NGÀY:/...../2023

THIẾT KẾ: NGUYỄN THỊ VĂN ANH

CHỦ TRÌ: NGUYỄN NAM HƯNG

CHỦ NHIỆM: NGUYỄN THẾ SƠN

TRƯỞNG PHÒNG: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

QL. KỸ THUẬT: LÊ HÙNG THANH

GIÁM ĐỐC

KS. PHAN VĂN CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

BIÊN ĐỒNG

TRỤ SỞ CHÍNH: VIỆN KINH - ĐÔNG ANH - ĐÔNG SƠN - THANH HÓA

VPGD: SỐ 1244 LÊ HOÀN - P. ĐIỆN BIÊN - TP. THANH HÓA

TEL: 0976.262.789 - FAX: 0976.262.789

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI TRÚC CHUẨN - XÃ ĐỒNG TIẾN - HUYỆN TRIỆU SƠN - TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH QH-04